TAND HUYỆN VĂN BÀN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 21/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vương Thị Thu.

2. Ông Hoàng Văn Thứ.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/ HSST ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 08/3/2019 đối với bị cáo:

Sầm Văn T, sinh ngày 31/12/1971, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Sầm Văn T1, sinh năm 1928 (đã chết); con bà Trần Thị N, sinh năm 1928 (đã chết).

Vợ Vương Thị C, sinh năm 1965, bị cáo có 03 con lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1994. Hiện đều trú tại: Xã M, huyện V, tỉnh L.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" - Có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982 (đã chết).

Người đại diện theo pháp luật của bị hại anh Phạm Văn T:

1 - Ông Phạm Văn L, sinh năm 1958 - Có mặt.

2 - Bà Hoa Thị B, sinh năm 1959 - Vắng mặt.

3 - Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm1991 - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa Thị B và chị Bùi Thị Thu H: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1958 - Có mặt.

Người đại diện cho bị hại đều cư trú tại: Tổ 10, thị trấn K, huyện V, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 20/11/2011.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Tiến D: Chị Vi Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn S, xã K, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

Người làm chứng: 1 - Anh Hà Văn S, sinh năm 1992 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh L.

2 - Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1988 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh L.

3 - Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1976 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện V, tỉnh L.

4 - Anh Sầm Văn H, sinh ngày 02/01/2001 - Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã M, huyện V, tỉnh L.

5 - Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1985 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã K, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ ngày 03/12/2018, Sầm Văn T điều khiển xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 24V1-100.65 chở cháu Sầm Văn H - sinh năm 2001, từ nhà ở thôn 3, xã M, huyện V để đến trường học ở xã D, huyện V, tỉnh L. Khi đi đến Km 129 + 350 quốc lộ 279 thuộc thôn B, xã T, huyện V khi gặp xe đi ngược chiều Sầm Văn T đã điều khiển xe đi lấn sang phần đường bên trái đâm vào xe mô tô Dream biển kiểm soát 24V1 - 1403 do anh Phạm Văn T - sinh năm 1982, trú tại tổ 10, thị trấn K, huyện V điều khiển chạy hướng ngược chiều. Hậu quả anh Phạm Văn T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L và đến ngày 05/12/2018 tử vong; Sầm Văn T bị gẫy xương chính mũi, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Sầm Văn T về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn đã nêu quan điểm luận tội và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Sầm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự: - Hình phạt chính: Đề nghị áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Sầm Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Giao bị cáo Sầm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 591 Bộ luật dân sự: Công nhận bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 110.000.000đ tiền chi phí cho việc cứu chữa, mai táng, bù đắp tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng cho người phải cấp dưỡng cháu Phạm Tiến D.

Buộc bị cáo Sầm Văn T tiếp tục phải bồi thường cho cháu Phạm Tiến D 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền cấp dưỡng.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: - Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kính dâm gọng mầu vàng của bị cáo T; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu ASIA đã qua sử dụng bị vỡ phần bên trái của anh Phạm Văn T không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn T 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 150152009885 mang tên Sầm Văn T là giấy tờ liên quan đến nhân thân của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Sầm Văn T có giấy phép lái xe hạng A1, khoảng 06 giờ ngày 03/12/2018, Sầm Văn T điều khiển xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 24V1-100.65 chở cháu Sầm Văn H, từ nhà ở thôn 3, xã M, huyện V để đến trường học tại xã D, huyện V. Khi đi đến Km 129 + 350 quốc lộ 279 thuộc thôn B, xã T, huyện V là đoạn đường không phân chia thành hai chiều xe riêng biệt gặp xe mô tô BKS24V1 - 1403 đi ngược chiều do anh Phạm Văn T điều khiển. Sầm Văn T đã không cho xe đi về bên phải theo chiều chạy xe của mình mà điều khiển xe sang bên trái để tránh nên đã đâm vào xe của anh T. Như vậy hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 17 của Luật giao thông đường bộ. Hậu quả anh Phạm Văn T bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh L và đến ngày 05/12/2018 tử vong; Sầm Văn T bị gẫy xương chính mũi, 02 xe mô tô bị hư hỏng thiệt hại 5.135.000đ. Tuy nhiên ở khoảng cách gần trước khi xẩy ra tai nạn bị hại cũng điều khiển xe đi giữa đường không đúng phần đường của mình, bị cáo đã đi sát vào lề phải theo chiều đi của mình nhưng vẫn sợ tai nạn xẩy ra nên đã điều khiển xe sang trái để tránh, cùng lúc người bị hại cũng điều khiển xe về phần đường của mình nên dẫn đến tai nạn.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Mặt đường nơi xẩy ra tai nạn rộng 5,9m, dải nhựa bằng phẳng, không có trướng ngại vật, đường lên dốc, độ dốc 8%, hơi cua sang trái (theo hướng xã M đi xã D). Vị trí đâm va (diện mảnh nhựa, gương kính vỡ) nằm trên phần đường bên phải theo chiều đi của xe mô tô BKS 24V1 - 1403, cách mép đường bên phải 2,15m.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 50/GĐPY ngày 05/12/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh L, xác định nguyên nhân chết đối với Phạm Văn T là do ngừng tuần hoàn, do vỡ xương vòm sọ vùng đỉnh chẩm, tụ máu nội sọ, chấn thương sọ não.

Tại bản kết luận giám định số 6986/C09(P4) ngày 28/12/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu máu thu giữ của Sầm Văn T gửi giám định không tìm thấy Ethanol (cồn).

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 35, 36/KL-ĐGTS ngày 21/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Xe mô tô BKS 24V1 - 1403 bị thiệt hại sau tai nạn là 1.655.000đ; xe mô tô BKS 24V1 - 100.65 bị thiệt hại sau tai nạn là 3.480.000đ.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Sầm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 điều 260 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn truy tố là đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm an toàn giao thông gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người khác. Bị cáo khi tham gia giao thông nhưng không tuân thủ đúng các quy định về điều khiển giao thông đường bộ. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo; Đã tự nguyện bồi thường phần lớn thiệt hại cho đại diện người bị hại; Đại diện người bị hại có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Có bố đẻ có thành tích trong cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc được nhà nước tặng huy chương kháng chiến và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược; Có anh trai là liệt sỹ được tổ quốc ghi công trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và được nhà nước tặng huân chương chiến sỹ giải phóng, huân chương kháng chiến vì có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn phải nuôi dưỡng anh trai tật nguyền và là người trực tiếp thờ cúng anh trai là liệt sỹ; gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo của xã; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã M có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm này bị cáo luôn chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nên không cần thiết phải cách li khỏi xã hội cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện người bị hại và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí cho việc cứu chữa và mai táng của người bị hại 60.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ và tiền cấp dưỡng nuôi con của anh T 60.000.000đ; không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản là xe mô tô BKS 24V1 - 1403. Bị cáo đã bồi thường cho đại diện người bị hại và đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan 110.000.000đ gồm: tiền chi phí cho việc cứu chữa và mai táng 60.000.000đ; tiền tổn thất tinh thần 20.000.000đ; tiền cấp dưỡng 30.000.000đ cần công nhận. Còn 30.000.000đ tiền cấp

dưỡng tại phiên Tòa bị cáo chấp nhận bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên cần buộc bị cáo bồi thường số tiền này.

[6] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô Dream BKS 24V1 - 1403 thuộc sở hữu của anh Phạm Văn T Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện người bị hại ông Phạm Văn L, ông L không có yêu cầu gì; xe mô tô Wave RSX BKS 24V1 - 100.65 thuộc sở hữu của bị cáo Sầm Văn T Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên không đề cập giải quyết.

- Đối với các vật chứng thu tại hiện trường gồm: 01 chiếc kính dâm gọng mầu vàng của bị cáo T; 01 mũ bảo hiểm nhãn hiệu ASIA đã qua sử dụng bị vỡ phần bên trái của anh Phạm Văn T không còn giá trị sử dụng, bị cáo, đại diện bị hại không có yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 150152009885 mang tên Sầm Văn T là giấy tờ cá nhân liên quan đến nhân thân bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự vụ án theo quy định pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Sầm Văn T phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Sầm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh L giám sát, giáo dục.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 591 Bộ luật dân sự: Công nhận bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại Ông Phạm Văn L 80.000.000đ *(tám mươi triệu đồng)* tiền chi phí cho việc cứu chữa, mai táng, bù đắp tổn thất tinh thần; đã bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Tiến D 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng*) tiền cấp dưỡng (người đại diện theo pháp luật chị Vi Thị T) đã nhận số tiền này. Buộc bị cáo Sầm Văn T tiếp tục phải bồi thường cho cháu Phạm Tiến D (người đại diện theo pháp luật chị Vi Thị T) 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)* tiền cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự;

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc kính dâm gọng mầu vàng của bị cáo T; 01 (một) mũ bảo hiểm nhãn hiệu ASIA đã qua sử dụng bị vỡ phần bên trái của anh Phạm Văn T không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn T 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số 150152009885 mang tên Sầm Văn T là giấy tờ liên quan đến nhân thân của bị cáo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Sầm Văn T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ *(một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 1.700.000đ *(một triệu bẩy trăm nghìn đồng)* tiền án phí.

Báo cho bị cáo, đại diện bị hại, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Đại diện bị hại(03);
- Đại diện người có QLNVLQ(01);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái